TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/DS-ST
Ngày: 12-02-2026
"*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Phong, bà Phan Thị Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Quốc Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thanh Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng A; địa chỉ: Số 266-268 NKKN, phường XH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Công M – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông M: Ông Hà Văn S – Trưởng phòng giao dịch TB.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Ông Lê Minh K. Yêu cầu vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Minh T, sinh năm 2003; cư trú tại: Khu phố AQ, phường TB, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Anh T ký với Ngân hàng A (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Điều khoản, Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng - gọi chung là Hợp đồng) số 2836958. Căn cứ thu nhập của Anh T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với mục đích tiêu dùng cá nhân, chi tiết thẻ như sau:

Loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế visa; số thẻ: 472074 – 5968; số tài khoản thẻ: 3324893472; hạn mức sử dụng: 50.000.000 đồng; ngày đến hạn thanh Toán: ngày 05, 25 hàng tháng; lãi suất lúc phát hành thẻ: 33,2 %/năm (Lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ và được Sacombank niêm yết tại www.sacombank.com.vn). Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng Anh T đã vay tiền trên ứng dụng Sacombank pay và thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 113.533.494 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến 12/02/2026 Anh T đã thanh Toán cho Ngân hàng số tiền 44.076.826 đồng. (Thời hạn thanh Toán căn cứ theo Điều 19 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Đến kỳ thanh Toán ngày 25/01/2025 Anh T không thanh Toán nợ. Do Anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên ngày 25/04/2025 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Tính đến ngày 12/02/2026 Anh T còn nợ các khoản sau: Dư nợ 49.819.942 đồng, lãi quá hạn: 19.636.726 đồng, tổng cộng: 69.456.668 (Sáu mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn, sáu trăm sáu mươi tám) đồng.

Bị đơn anh Trần Minh T: Đã được cấp tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng không tham gia giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín đối với anh Trần Minh T.

Buộc anh Trần Minh T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín số tiền 49.819.942 đồng và tiền lãi theo hợp đồng đã ký đúng quy định pháp luật.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự và của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Trần Minh T trả nợ theo các hợp đồng đã ký kết. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh T có nơi cư trú tại phường Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 28/7/2023, Ngân hàng A đã ký kết với anh Trần Minh T hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng; loại thẻ: Thẻ tín dụng quốc tế visa; số thẻ: 472074 – 5968; số tài khoản thẻ: 3324893472; hạn mức sử dụng: 50.000.000 đồng; ngày đến hạn thanh Toán: ngày 05, 25 hàng tháng; lãi suất lúc phát hành thẻ: 33,2 %/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, Anh T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ; Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở nhưng Anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh Toán nên Ngân hàng khởi kiện. Tính đến ngày 12/02/2026, ngân hàng yêu cầu Anh T trả số tiền 69.456.668 đồng, trong đó nợ gốc 49.819.942 đồng, lãi quá hạn 19.636.726 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi Anh T thanh toán xong tất cả các khoản tiền.

[2.3] Hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự, Luật các tổ chức tín dụng nên đây là các hợp đồng hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng. Do Anh T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ.

[3] Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về việc thu thập các tài liệu chứng cứ; Thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho Anh T nhưng Anh T không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến nên xem như Anh T đồng ý, không phản đối lời trình bày và các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[4] Quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng nên Anh T phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 90, 91 Luật các Tổ chức tín dụng (Luật số 47); Điều 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A đối với anh Trần Minh T.

1.1 Buộc anh Trần Minh T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số tiền 69.456.668 (Sáu mươi chín triệu, bốn trăm năm mươi sáu nghìn sáu trăm sáu

mươi tám) đồng, trong đó nợ gốc 49.819.942 đồng, lãi quá hạn 19.636.726 đồng.

Kể từ ngày 13/02/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng đã ký. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, đơn đề nghị giải ngân kiêm khuế ước nhận nợ, giấy đề nghị mở thẻ tín dụng khách hàng cá nhân có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất phải tiếp tục thanh Toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Trần Minh T phải chịu 3.472.000 (ba triệu bốn trăm bảy mươi hai) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín 1.301.000 (một triệu ba trăm linh một nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008541 ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 – Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 12;
- Phòng THADS khu vực 12;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Thị Oanh